Thông báo tuyển sinh cao học dành cho người nước ngoài Học kỳ 1 năm 2027



Yeungnam University

Danh mục

Thông báo tuyển sinh cao học dành cho người nước ngoài Học kỳ 1 năm 2027

1. Lịch trình tuyển sinh 4
2. Quy trình ứng tuyển trực tuyến 5
3. Tư cách ứng tuyển 6
4. Hồ sơ cần nộp 8
5. Nộp lệ phí tuyển sinh 12
6. Những điều thí sinh cần lưu ý 13
7. Thông tin về chế độ học bổng 13
8. Học phí 16
9. Cấp visa 17
10. Các khoa tuyển sinh và khóa học 17
11. Giải đáp thắc mắc và thông tin liên lạc theo khoa 21
[Đính kèm] Tham khảo liên quan Công ước Apostille) 24

1. Lịch trình tuyển sinh

Nội dung	Đợt 1	Đợt 2	Ghi chú
Đăng ký trực tuyến và nộp lệ phí tuyển sinh	14/09/2026 (Thứ Hai) ~ 16/10/2026 (Thứ Sáu), 17:00	16/11/2026 (Thứ Hai) ~ 11/12/2026 (Thứ Sáu), 17:00	Lệ phí tuyển sinh: 100,000won
	Địa chỉ đăng ký và nộp lệ phí: https://engraduate.yu.ac.kr		
Nộp hồ sơ (trực tiếp/bưu điện)	14/09/2026 (Thứ Hai) ~ 23/10/2026 (Thứ Sáu), 17:00	16/11/2026 (Thứ Hai) ~ 18/12/2026 (Thứ Sáu), 17:00	Xem chi tiết tại "04. Hồ sơ cần nộp"
	Địa chỉ nộp hồ sơ: 경상북도 경산시 대학로 280 영남대학교 법학전문대학원 111호		
Xét duyệt của khoa	Trong tháng 11/2026	Trong tháng 1/2027	Tùy đặc điểm của từng khoa, có thể tiến hành phỏng vấn
Công bố kết quả trúng tuyển	16/11/2026 (Thứ Hai)	11/01/2027 (Thứ Hai)	Có thể tra cứu kết quả trúng tuyển và kiểm tra giấy báo học phí trên trang web của Viện cao học
Đăng ký nhập học	17/11/2026 (Thứ Ba) ~ 19/11/2026 (Thứ Năm), 16:00	12/01/2027 (Thứ Ba) ~ 14/01/2027 (Thứ Năm), 16:00	
Cấp Giấy báo nhập học	Trong tháng 1 ~ tháng 2 năm 2027 (đối với sinh viên đang cư trú tại Hàn Quốc, đến nhận trực tiếp tại Phòng Quốc tế của Viện Cao học)		Cấp phát hồ sơ liên quan đến cấp visa
Ghi chú	• Việc đăng ký ứng tuyển chỉ có thể tiến hành online tại (www.uwayapply.com.) • Thí sinh không được ứng tuyển vào nhiều đơn vị tuyển sinh. • Mọi thắc mắc liên quan đến việc đăng ký hồ sơ hoặc thanh toán lệ phí tuyển sinh, vui lòng liên hệ Công ty Uwayapply theo số ☎ +82-1588-8988. • Sau khi thanh toán lệ phí tuyển sinh, không thể hủy đăng ký hoặc thay đổi thông tin đã đăng ký. Vì vậy, vui lòng kiểm tra kỹ thông tin đăng ký trước khi thanh toán lệ phí tuyển sinh.		

※ Việc tuyển sinh theo diện chuyển tiếp chỉ được thực hiện trong đợt tuyển sinh lần thứ hai.



2. Quy trình ứng tuyển trực tuyến

Vào homepage Viện cao học Đại học Yeungnam(https://engraduate.yu.ac.kr)

Chọn 'Viện cao học tuyển sinh người nước ngoài(Application Guideline)

Đăng ký thành viên (Uwayapply) và login
(Bắt buộc dùng tên chính thức của bản thân thí sinh)

Kiểm tra Thông báo tuyển sinh và các lưu ý nộp hồ sơ

Viết đơn ứng tuyển (Up file ảnh của bản thân chụp 3 tháng gần nhất)

Kiểm tra tổng thể nội dung nhập trong đơn ứng tuyển
(Sau khi nộp phí xét tuyển, không sửa hoặc thay đổi được nội dung đã nhập)

Thanh toán phí xét tuyển
(Sau thời gian tiếp nhận ứng tuyển, không hủy ứng tuyển và không hoàn phí ứng tuyển)

In Đơn ứng tuyển và các mẫu đơn

Điền (ký) các mẫu đơn và chuẩn bị hồ sơ nộp
(Nộp theo thứ tự danh mục(kiểm tra) hồ sơ nộp)

Nộp hồ sơ cho Phòng Quốc tế Viện cao học trong thời gian tiếp nhận hồ sơ
(Bưu điện hoặc trực tiếp)

3. Tư cách ứng tuyển

Tư cách ứng tuyển

Phân loại	Tư cách ứng tuyển
Chung	※ Đối tượng thuộc một trong những mục sau 1. Người nước ngoài có cả bố và mẹ đều là người nước ngoài 2. Người nước ngoài đã hoàn thành toàn bộ quá trình giáo dục tại nước ngoài tương ứng với các bậc đào tạo Phổ thông và Đại học của Hàn Quốc

※ Đối tượng ứng tuyển nhập học mới có thể ứng tuyển khác ngành đã học [Tuy nhiên, chuyên ngành y học lâm sàng chỉ dành cho những người đã(dự kiến) tốt nghiệp cử nhân y khoa hoặc nha khoa, và những người không cùng ngành y học sẽ được cấp bằng thạc sĩ khoa học và tiến sĩ khoa học]

※ Viên chức đang làm việc tại Đại học Yeungnam không được ứng tuyển nhập học cao học

※ Tuy nhiên, Viên chức người nước ngoài ngạch đào tạo trọng điểm thuộc khoa Cheonma của trường có thể ứng tuyển

Tiêu chí tư cách ứng tuyển năng lực ngôn ngữ

○ Đối tượng đạt một trong những tiêu chí bên dưới về khả năng ngôn ngữ có thể ứng tuyển

① Chứng chỉ năng lực tiếng Hàn(TOPIK) từ cấp 3 trở lên

② Đối tượng có chứng chỉ năng lực tiếng Anh TOEFL iBT 71, IELTS 5.5, CEFR B2, hoặc TOEIC 700 điểm trở lên

- Đối tượng ứng tuyển ngành đào tạo bằng tiếng Anh phải đạt TOEFL iBT 71 điểm trở lên mới có thể ứng tuyển.
- Trường hợp thi TOEFL iBT từ ngày 2 tháng 1 năm 2026 phải đạt tiêu chuẩn từ 3.5 diểm.

③ Đối tượng hoàn thành Trung cấp 1 trở lên thuộc học viện Sejong

④ Đối tượng hoàn thành mức 3 Chương trình Hòa nhập Xã hội của Bộ tư pháp hoặc hoặc đạt từ 61 điểm trở lên trong kỳ thi đánh giá sơ bộ

⑤ Đối tượng không có chứng chỉ ngôn ngữ nhưng thuộc đối tượng có thể theo học và được khoa quyết định xét tuyển

※ Đối tượng thuộc mục ⑤ sau khi nhập học buộc phải học lớp tiếng Hàn theo chỉ định của Viện trưởng Viện cao học

[Nội dung tham khảo]

※ Tiêu chí điều kiện ngôn ngữ để tốt nghiệp riêng.



Tư cách ứng tuyển chương trình nhập học mới

Phân loại	Tư cách ứng tuyển
Chương trình thạc sĩ	1. Đối tượng đã có bằng tốt nghiệp hoặc có thể nhận bằng tốt nghiệp đại học trong hoặc ngoài nước trước ngày nhập học 2. Đối tượng có trình độ học vấn tương đương tiêu chí bên trên, được công nhận theo quy định
Chương trình tiến sĩ	1. Đối tượng đã có bằng tốt nghiệp hoặc có thể nhận bằng tốt nghiệp thạc sĩ trong hoặc ngoài nước trước ngày nhập học 2. Đối tượng có trình độ học vấn tương đương tiêu chí bên trên, được công nhận theo quy định
Chương trình kết hợp thạc sĩ, tiến sĩ	1. Đối tượng đã có bằng tốt nghiệp hoặc có thể nhận bằng tốt nghiệp đại học trong hoặc ngoài nước trước ngày nhập học 2. Đối tượng có trình độ học vấn tương đương tiêu chí bên trên, được công nhận theo quy định

Tư cách ứng tuyển chương trình chuyển tiếp

Phân loại		Tư cách ứng tuyển
Chương trình thạc sĩ	Kỳ 2	Đối tượng hoàn thành(dự kiến) từ 1 kỳ chương trình thạc sĩ hoặc kết hợp thạc sĩ, tiến sĩ ngành tương đồng ở Viện cao học trong hoặc ngoài nước(hoàn thành từ 1 kỳ và tích lũy từ 6 tín chỉ cho các học phần)
	Kỳ 3	Đối tượng hoàn thành(dự kiến) từ 2 kỳ chương trình thạc sĩ hoặc kết hợp thạc sĩ, tiến sĩ ngành tương đồng ở Viện cao học trong hoặc ngoài nước(hoàn thành từ 2 kỳ và tích lũy từ 12 tín chỉ cho các học phần)
Chương trình tiến sĩ	Kỳ 2	Đối tượng hoàn thành(dự kiến) từ 1 kỳ chương trình tiến sĩ ngành tương đồng ở Viện cao học trong hoặc ngoài nước(hoàn thành từ 1 kỳ và tích lũy từ 9 tín chỉ cho các học phần)
	Kỳ 3	Đối tượng hoàn thành(dự kiến) từ 2 kỳ chương trình tiến sĩ hoặc kết hợp ngành tương đồng ở Viện cao học trong hoặc ngoài nước(hoàn thành từ 2 kỳ và tích lũy từ 18 tín chỉ cho các học phần)

※ Người đã tốt nghiệp chương trình sau đại học tại cơ sở đào tạo trước đây không đủ điều kiện đăng ký xét tuyển chuyển tiếp.

※ Sinh viên đang theo học, sinh viên đang bảo lưu kết quả học tập hoặc sinh viên đã hoàn thành chương trình học nhưng chưa tốt nghiệp tại Trường Cao học Tổng hợp, Đại học Yeungnam không đủ điều kiện đăng ký xét tuyển chuyển tiếp.

※ Số tín chỉ được công nhận sau khi nhập học có thể khác nhau tùy thuộc vào chuyên ngành và các môn học đã hoàn thành tại trường đại học/trường cao học trước đây.



4. Hồ sơ cần nộp

○ Thời gian nộp hồ sơ

Đợt 1: **14/09/2026 (Thứ Hai) ~ 23/10/2026 (Thứ Sáu), 17:00**

※ Chỉ những thí sinh đã hoàn tất việc điền đơn đăng ký trực tuyến và thanh toán lệ phí tuyển sinh trước ngày 16/10/2026 (Thứ Sáu) mới được phép nộp hồ sơ.

Đợt 2: **16/11/2026 (Thứ Hai) ~ 18/12/2026 (Thứ Sáu), 17:00**

※ Chỉ những thí sinh đã hoàn tất việc điền đơn đăng ký trực tuyến và thanh toán lệ phí tuyển sinh trước ngày 11/12/2026 (Thứ Sáu) mới được phép nộp hồ sơ.

○ Phương thức nộp hồ sơ: Nộp qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp

○ Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Quốc tế Viện Cao học, Đại học Yeungnam(38541)

경상북도 경산시 대학로 280 영남대학교 법학전문대학원 건물 111호

Graduate School International Team, Yeungnam University Room 111, Law School Building, 280 Daehak-ro, Gyeongsan-si, Gyeongsangbuk-do, 38541, Republic of Korea

☎ 053) 810-3755~3757, 3782

○ Nội dung lưu ý

- Thí sinh tự chịu trách nhiệm đối với mọi bất lợi phát sinh do không nộp hồ sơ trong thời hạn quy định, hồ sơ không đầy đủ, hồ sơ bị giả mạo hoặc sửa đổi.
- Hồ sơ phải được sắp xếp và nộp theo đúng thứ tự trong danh sách hồ sơ cần nộp; không sử dụng ghim bấm hoặc kẹp giấy.
- Đối với các giấy tờ không phải bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh, phải nộp bản dịch đã được công chứng.
- Thí sinh nộp Giấy chứng nhận dự kiến tốt nghiệp bắt buộc phải nộp Giấy chứng nhận tốt nghiệp và bảng điểm cuối cùng trong thời hạn quy định. (Nếu không nộp, kết quả nhập học sẽ bị hủy.)
  · Trường đại học ở nước ngoài: đến ngày 28/12/2026 (Thứ Hai)
  · Trường đại học tại Hàn Quốc: đến ngày 22/02/2027 (Thứ Hai)
- Hồ sơ đã nộp sẽ không được hoàn trả, vì vậy thí sinh cần chuẩn bị riêng các giấy tờ cần sử dụng cho việc xin visa.



Hồ sơ cần nộp (Sinh viên nhập học mới)

STT.	Hồ sơ nộp
1	Toàn bộ hồ sơ ứng tuyển online (Bảng danh mục hồ sơ nộp, Đơn xin nhập học, Bản kế hoạch học tập, Giấy giới thiệu bản thân)
2	Giấy chứng nhận(dự kiến) tốt nghiệp
3	Bằng tốt nghiệp
4	Bảng điểm(GPA hoặc giấy chứng nhận ghi phần trăm)
5	Photo hộ chiếu
6	Giấy tờ minh chứng bố mẹ là người nước ngoài
7	Giấy xác nhận quan hệ gia đình
8	Chứng minh tài chính(Giấy chứng nhận số dư tài khoản ngân hàng)
Đối tượng có thì nộp	Giấy chứng nhận năng lực ngôn ngữ(dành cho trường hợp có)
	Photo 2 mặt thẻ đăng ký người nước ngoài(dành cho trường hợp có)
	Thư giới thiệu của giáo sư tại trường đã học(không bắt buộc)

Hồ sơ nộp (Nhập học chuyển tiếp)

STT.	Hồ sơ nộp
1	Toàn bộ hồ sơ ứng tuyển online (Bảng danh mục hồ sơ nộp, Đơn xin nhập học, Bản kế hoạch học tập, Giấy giới thiệu bản thân, Giấy đồng ý xác nhận trình độ học vấn)
2	Giấy chứng nhận(dự kiến) tốt nghiệp
3	Bằng tốt nghiệp
3-1	Giấy xác nhận đang học hoặc đã(dự kiến) hoàn thành chương trình học hiện tại
4	Bảng điểm(GPA hoặc giấy xác nhận điểm ghi theo thang phần trăm) - Đối tượng ứng tuyển chương trình kết hợp thạc sĩ, tiến sĩ cần nộp bảng điểm đại học và bảng điểm thạc sĩ - Đối tượng ứng tuyển chương trình tiến sĩ phải nộp bảng điểm đại học, thạc sĩ và tiến sĩ
5	Photo hộ chiếu
6	Giấy xác nhận bố mẹ là người nước ngoài
7	Giấy xác nhận quan hệ gia đình
8	Chứng minh tài chính(Giấy chứng nhận số dư tài khoản ngân hàng)
Đối tượng có thì nộp	Giấy chứng nhận năng lực ngôn ngữ(dành cho trường hợp có)
	Photo 2 mặt thẻ đăng ký người nước ngoài(dành cho trường hợp có)
	Thư giới thiệu của giáo sư tại trường đã học(không bắt buộc)



Hồ sơ nộp kèm theo ngành

Tên khoa	Nội dung
Khoa sáng tác	Đối tượng ứng tuyển chuyên ngành sáng tác : Tác phẩm và âm nhạc(USB)
Khoa thanh nhạc	Video thực hành(USB)
Khoa nhạc cụ	Video biểu diễn(USB) – Piano, Nhạc khí : nộp 2 bài video thuộc các thời kỳ khác nhau – Nhạc cụ dây : nộp 2 bài video thuộc các thời kỳ khác nhau(trong đó có concerto hoặc sonata, mỗi bài gồm 1 chương nhanh và 1 chương chậm)
Khoa Quốc nhạc	Video biểu diễn(USB)
Khoa hội họa	Portfolio
Khoa thiết kế sản phẩm sinh hoạt	Portfolio
Khoa nghệ thuật chuyển tiếp	Portfolio gồm ít nhất 5 tác phẩm của bản thân (trường hợp là file video thì nộp link Youtube)
Khoa âm nhạc (Tiến sĩ)	Đối tượng ứng tuyển ngành thực hành âm nhạc – Thanh nhạc : Video thực hành(USB) – Khác : Video biểu diễn(USB)
Khoa nghệ thuật biểu diễn múa	1 video biểu diễn của bản thân (USB)

Nội dung chi tiết về hồ sơ nộp

STT	Nội dung chi tiết về hồ sơ nộp
1	**Toàn bộ hồ sơ ứng tuyển online** • Sau khi điền thông tin ứng tuyển trên hệ thống online thì in • Upload ảnh(kích cỡ ảnh hộ chiếu) vào đơn ứng tuyển • Điền thông tin bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh • Không công nhận người bảo lãnh tài chính ngoài bản thân hoặc bố mẹ(trường hợp bố mẹ mất thì anh chị em ruột thay)
2~4	**Cách nộp Giấy chứng nhận tốt nghiệp (hoặc dự kiến tốt nghiệp), Giấy chứng nhận học vị và bảng điểm (giấy tờ có ghi GPA hoặc điểm theo thang phần trăm)** ※ Không công nhận Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (Provisional Certificate). (Đối với thí sinh đăng ký chương trình nhập học mới) • Thí sinh đăng ký chương trình thạc sĩ và chương trình tích hợp thạc sĩ – tiến sĩ: Nộp hồ sơ bậc đại học. • Thí sinh đăng ký chương trình tiến sĩ: Nộp hồ sơ bậc đại học và thạc sĩ. (Đối với thí sinh đăng ký chuyển tiếp) • Thí sinh đăng ký chuyển tiếp vào chương trình thạc sĩ: Nộp đầy đủ hồ sơ bậc đại học và thạc sĩ. • Thí sinh đăng ký chuyển tiếp vào chương trình tiến sĩ: Nộp đầy đủ hồ sơ bậc đại học, thạc sĩ và tiến sĩ. [Hồ sơ nộp tùy theo trường đã tốt nghiệp thuộc nước nào] – **Hàn Quốc** : Bản gốc Giấy chứng nhận(bằng) tốt nghiệp được cấp bằng tiếng Hàn, Bảng điểm – **Trung Quốc**(Chấp nhận bản dịch công chứng tạm thời cho Quốc gia gia nhập Apostille) **(Bằng và giấy chứng nhận tốt nghiệp)** ※ Văn bằng học vị, Bằng tốt nghiệp(bản sao) ※ Trung tâm chứng nhận học lực(http://www.chsi.com.cn) thuộc Bộ Giáo dục Trung Quốc cấp giấy xác nhận học vì và giấy chứng nhận học lực(tiếng Anh) **(Bảng điểm)** ※ Bảng điểm CHSI(tiếng Anh) hoặc bản gốc Apostille(tiếng Anh) hoặc bản gốc dịch công chứng

STT	Nội dung chi tiết về hồ sơ nộp
2~4	– **Quốc gia gia nhập Apostille** : Bản photo(dịch công chứng)Bằng tốt nghiệp/Bảng điểm/Giấy xác nhận đang học▸ Bản gốc xác nhận Đại học thuộc quốc gia gia nhập Apostille – **Hồ sơ nộp của người Pakistan** Nguyên tắc: Nộp bản photo(bản dịch công chứng) bằng tốt nghiệp, Bảng điểm, Giấy xác nhận đang học đã được xác nhận Apostille Ngoại lệ: Trường hợp không thể cấp Apostille, có thể nộp thay thế hồ sơ gốc sau khi thực hiện quy trình bên dưới • HEC(Higher Education Commission) → MOFA(Ministry of Foreign Affairs) → xác nhận lãnh sự của Đại sứ quán Pakistan tại Hàn Quốc – **Quốc gia khác** : Bản photo(dịch công chứng) Bằng tốt nghiệp/Bảng điểm/Giấy xác nhận đang học▸ Bản gốcxác nhận lãnh sự của Đại sứ quán Hàn Quốc ở nước sở tại hoặc hồ sơ được xác nhận lãnh sự của đại sứ quán Quốc gia đó tại Hàn Quốc
5	**Photo hộ chiếu** • Nộp bản photo hộ chiếu còn thời hạn từ 1 năm trở lên • Người quốc tịch Uzbekistan phải nộp hộ chiếu quốc tế • Người không có hộ chiếu có thể ứng tuyển nhưng ngay sau khi có kết quả trúng tuyển phải nộp hộ chiếu. Trường hợp không nộp có thể bị hủy nhập học
6	**Giấy tờ minh chứng bố mẹ là người nước ngoài** • Nộp bản photo chứng minh thư hoặc hộ chiếu của bố, mẹ (bao gồm bản dịch) • Trường hợp trên giấy xác nhận quan hệ gia đình, quốc tịch của bố, mẹ đã được dịch thì có thể bỏ qua bản dịch riêng ※ Hồ sơ trên là hồ sơ bắt buộc để xét tư cách ứng tuyển, nên trường hợp trình giấy tờ giả có thể bị hủy kết quả trúng tuyển hoặc hủy nhập học
7	**Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình** • Nộp giấy tờ thể hiện rõ quốc tịch và quan hệ bố mẹ với người ứng tuyển (bản dịch công chứng, có hiệu lực 6 tháng kể từ ngày cấp) • Người có quốc tịch Trung Quốc: Nộp giấy xác nhận quan hệ thân tộc(bản gốc dịch công chứng) • Trường hợp khó xác nhận chỉ bằng giấy chứng nhận quan hệ thân tộc thì phải nộp bổ sung sổ hộ khẩu(bản gốc dịch công chứng) • Trường hợp bố mẹ mất hoặc ly hôn thì nộp giấy tờ chứng minh liên quan • Trường hợp khó xác nhận quan hệ bằng giấy tờ đã nộp, có thể yêu cầu bổ sung thêm hồ sơ
8	**Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính** • Nộp giấy chứng nhận số dư tài khoản ngân hàng của bản thân người ứng tuyển hoặc bố mẹ(từ 16,000,000won) – Trường hợp cấp giấy theo đơn vị tiền Đô(USD), thì tỷ giá áp dụng vào ngày cấp giấy – Ngày cấp : Trong vòng 1 tháng kể từ ngày nộp đơn – Trường hợp có ghi thời hạn hiệu lực: Số tiền phải được phong tỏa ít nhất đến tháng 02/2027 **Quy định đặc biệt** • Người cư trú tại Trung Quốc – Ngày cấp: từ ngày 01/09/2026 trở đi – Thời gian phong tỏa tối thiểu: đến tháng 02/2027 • Người cư trú tại Uzbekistan: Nộp Giấy xác nhận số dư tài khoản ngân hàng do Ngân hàng KDB cấp. • Người nước ngoài đang cư trú tại Hàn Quốc và có Thẻ đăng ký người nước ngoài : Nộp bản gốc giấy xác nhận số dư tài khoản ngân hàng được cấp bởi ngân hàng tại Hàn Quốc dưới tên của thí sinh. • Người nhận học bổng từ bên ngoài: Có thể thay thế bằng Giấy chứng nhận học bổng chính thức. ※ Khi cần thiết, trường có thể yêu cầu nộp thêm các giấy tờ khác. Sau khi trúng tuyển, trường có thể yêu cầu nộp riêng các giấy tờ trong quá trình chuẩn bị hồ sơ xin cấp thị thực.

STT	Nội dung chi tiết về hồ sơ nộp
Đối tượng có thì nộp	**Giấy tờ chứng minh năng lực ngôn ngữ** (dành cho trường hợp liên quan) • Chỉ công nhận bảng điểm tiếng Hàn và tiếng Anh được cấp bởi các tổ chức có thẩm quyền (không công nhận TOEFL, TOEIC do các tổ chức khác cấp). • Thí sinh đăng ký Đợt 1: Chỉ công nhận bảng điểm có ngày thi từ ngày 16/10/2024 trở đi. ※ Đối với chứng chỉ tiếng Hàn được công nhận TOPIK, chỉ công nhận kết quả thi từ Kỳ thi TOPIK lần thứ 97 (được tổ chức vào tháng 11/2024) trở đi. • Thí sinh đăng ký Đợt 2: Chỉ công nhận bảng điểm có ngày thi từ ngày 11/12/2024 trở đi. ※ Đối với chứng chỉ tiếng Hàn được công nhận TOPIK, chỉ công nhận kết quả thi từ Kỳ thi TOPIK lần thứ 98 (được tổ chức vào tháng 01/2025) trở đi. • Chỉ công nhận trường hợp thí sinh đã nhập điểm vào đơn đăng ký và nộp bản gốc bảng điểm trước thời hạn kết thúc tiếp nhận hồ sơ.
	Bản photo thẻ người nước ngoài(hai mặt) : Dành cho người lưu trú tại Hàn Quốc
	Thư tiến cử của giáo sư trường đã tốt nghiệp (Không bắt buộc) • Ghi rõ thông tin họ tên, số liên lạc, đơn vị trực thuộc của giáo sư tiến cử • Bản gốc thư tiến cử có chữ ký của người tiến cử, dán niêm phong và ký cả phía ngoài phong thư rồi nộp • Trường hợp thư tiến cử được viết bởi ngôn ngữ không phải tiếng Hàn hoặc tiếng Anh thì phải nộp bản dịch kèm theo bản gốc

5. Nộp lệ phí tuyển sinh

Phân loại		Nội dung chủ yếu	Ghi chú
Phí tuyển sinh	Tiền nộp	100,000won	※ Nộp lệ phí tuyển sinh trên trang web đăng ký dự tuyển. ※ Có thể thanh toán bằng thẻ tín dụng, Alipay hoặc tài khoản ngân hàng ảo.
	Thời hạn nộp	Đợt 1: 17:00 16.10.2026 (T.6) Đợt 2: 17:00 11.12.2026 (T.6)	

※ Trường hợp không nộp phí tuyển sinh, hồ sơ ứng tuyển sẽ bị xử lý không tiếp nhận

※ Sau thời hạn ứng tuyển, không được hủy ứng tuyển, và phí tuyển sinh không được hoàn

※ Trường hợp không đạt tiêu chí tư cách ứng tuyển do hồ sơ nộp thiếu sẽ bị xử lý trượt, phí tuyển sinh sẽ không được hoàn



6. Những điều thí sinh cần lưu ý

- Họ tên (bằng tiếng Anh) và ngày sinh trên đơn ứng tuyển phải giống với hộ chiếu.
- Thí sinh tự chịu trách nhiệm về mọi bất lợi phát sinh do ghi sai thông tin liên lạc (số điện thoại, email, địa chỉ) hoặc không thể liên lạc được.
- Thí sinh phải lựa chọn chính xác chương trình đào tạo, khoa và chuyên ngành đăng ký; thí sinh tự chịu trách nhiệm về mọi bất lợi phát sinh do ghi sai thông tin.
- Hồ sơ đăng ký và lệ phí tuyển sinh đã nộp sẽ không được hoàn trả.
- Kết quả trúng tuyển có thể bị hủy nếu hồ sơ đã nộp có nội dung không đúng sự thật hoặc không nộp đầy đủ các giấy tờ bắt buộc.
- Kết quả nhập học có thể bị hủy nếu thí sinh không nhập cảnh trong thời hạn quy định hoặc bị từ chối cấp giấy phép nhập cảnh/thị thực.
- Những vấn đề không được quy định trong hướng dẫn tuyển sinh này sẽ được thực hiện theo quyết định của Hội đồng Trường Cao học, Đại học Yeungnam.
- Hướng dẫn tuyển sinh này được biên soạn bằng tiếng Hàn và các ngôn ngữ nước ngoài. Trong trường hợp có sự khác biệt về nội dung hoặc cách diễn giải giữa các phiên bản ngôn ngữ, phiên bản tiếng Hàn sẽ được ưu tiên áp dụng.

7. Thông tin về chế độ học bổng

- Xét duyệt học bổng
  - Tất cả các loại học bổng của Trường Cao học đều phải được xét duyệt học bổng.
  - Sau khi nhập học, vào mỗi học kỳ, tiêu chuẩn học bổng sẽ được quyết định dựa trên việc đăng ký học bổng, đề cử của khoa và kết quả xét duyệt.
- Điều kiện cấp học bổng (bảo hiểm)
  - Tất cả sinh viên quốc tế của Trường Cao học bắt buộc phải tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc dân và bảo hiểm sức khỏe tư nhân dành cho du học sinh (phải duy trì tư cách tham gia bảo hiểm trong mỗi học kỳ).
- Lưu ý về việc áp dụng tiêu chuẩn cấp học bổng
  - Học bổng chỉ được áp dụng cho học phí và không áp dụng cho phí nhập học.
  - Giảng viên nước ngoài thuộc Đại học Cheonma chỉ được hưởng Học bổng Tân sinh viên 6.
- Chế độ học bổng có thể được thay đổi tùy theo tình hình của trường.



Tiêu chí cấp học bổng học kỳ đầu nhập học(Sinh viên mới)

Tỷ lệ cấp học bổng		Tiếng Hàn	Tiếng Anh		
		TOPIK	IELTS	TOEFL iBT	TOEIC
Học bổng sinh viên mới1	100%	Cấp 6	7	100	900
Học bổng sinh viên mới2	80%	Cấp 5	6.5	90	850
Học bổng sinh viên mới3	60%	Cấp 4	5.5	71	700
Học bổng sinh viên mới4	40%	–	1. Sinh viên thuộc Quốc gia dùng tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ 2. Sinh viên thuộc Quốc gia dùng tiếng Anh là ngôn ngữ chung, đã học đại học 4 năm bằng tiếng Anh		
Học bổng sinh viên mới5	30%	Cấp 3	–	–	–
Học bổng sinh viên mới6	20%	Đối tượng không thuộc khung học bổng sinh viên mới 1~5 được khoa tiến cử			

Tiêu chí cấp học bổng học kỳ đầu nhập học (Sinh viên chuyển tiếp)

Tỷ lệ cấp học bổng		Tiếng Hàn	Tiếng Anh		
		TOPIK	IELTS	TOEFL iBT	TOEIC
Học bổng sinh viên chuyển tiếp1	80%	Cấp 6	7	100	900
Học bổng sinh viên chuyển tiếp2	60%	Cấp 5	6.5	90	850
Học bổng sinh viên chuyển tiếp3	40%	Cấp 4	5.5	71	700
Học bổng sinh viên chuyển tiếp4	20%	–	1. Sinh viên thuộc Quốc gia dùng tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ 2. Sinh viên thuộc Quốc gia dùng tiếng Anh là ngôn ngữ chung, đã học đại học 4 năm bằng tiếng Anh		



Tiêu chí cấp học bổng từ học kỳ thứ 2(Thạc sĩ, Tiến sĩ: ~4 kỳ / Thạc, tiến sĩ: ~8 kỳ)

■ Tiêu chí năng lực tiếng Hàn và tư cách

Tỷ lệ cấp học bổng Trong ( ) áp dụng ngoại trừ ICS*		TOPIK	Điểm bình quân học kỳ trước
Học bổng sinh viên đang học1	100%(80%)	Cấp 6	Từ 4.0
Học bổng sinh viên đang học2	80%(60%)	Cấp 6	Từ 3.5 đến dưới 4.0
		Cấp 5	Từ 4.0
Học bổng sinh viên đang học3	60%(40%)	Cấp 5	Từ 3.5 đến dưới 4.0
	40%(40%)	Cấp 4	Từ 4.0
Học bổng sinh viên đang học4	30%(30%)	Cấp 4	Từ 3.5 đến dưới 4.0
Học bổng sinh viên đang học5	20%(20%)	Cấp 3	Từ 3.5
		Đối tượng học bổng sinh viên đang học 1~4, có điểm học học kỳ trước dưới C dù là một môn hoặc điểm học bình quân kỳ trước dưới 3.5	

■ Tiêu chí năng lực tiếng Anh và tư cách

Tỷ lệ cấp học bổng Trong ( ) áp dụng ngoại trừ ICS*		IELTS	TOEFL iBT	TOEIC	Điểm bình quân học kỳ trước
Học bổng sinh viên đang học1	100%(80%)	7	100	900	Từ 4.0
Học bổng sinh viên đang học2	80%(60%)	7	100	900	Từ 3.5 đến dưới 4.0
		6.5	90	850	Từ 4.0
Học bổng sinh viên đang học3	60%(40%)	6.5	90	850	Từ 3.5 đến dưới 4.0
		5.5	71	700	Từ 4.0
Học bổng sinh viên đang học4	50%(30%)	5.5	71	700	Từ 3.5 đến dưới 4.0
Học bổng sinh viên đang học5	20%(20%)	1. Sinh viên thuộc Quốc gia dùng tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ 2. Sinh viên thuộc Quốc gia dùng tiếng Anh là ngôn ngữ chung, đã học đại học 4 năm bằng tiếng Anh			Từ 3.5
		Đối tượng học bổng sinh viên đang học 1~4, có điểm học học kỳ trước dưới C dù là một môn hoặc điểm học bình quân kỳ trước dưới 3.5			

Học bổng đóng góp Quốc tế hóa (Internationalization Contribution Scholarship, ICS)

- Tỷ lệ cấp học bổng : 20% học phí
- Lưu ý nghĩa vụ dựa theo tư cách đăng ký và nhận học bổng

Ngôn ngữ	Tư cách đăng ký	Nghĩa vụ
Tiếng Hàn	Du học sinh nước ngoài nhận học bổng sinh viên đang học, có thành tích ngôn như như sau - TOPIK cấp 5 - TOPIK cấp 6	Được phân 1 trong những nhiệm vụ bên dưới 1. Hỗ trợ thông dịch lớp học 5 giờ 1 tuần (Trường hợp dịch chuyên ngành khác thì dịch 3 giờ) 2. Hỗ trợ học tiếng Hàn cho du học sinh nước ngoài 5 giờ 1 tuần 3. Viện trưởng Viện cao học chỉ định các hoạt động khác
Tiếng Anh	Du học sinh nước ngoài nhận học bổng sinh viên đang học, có thành tích ngôn như như sau - IELTS từ 5.5 - TOEFL iBT từ 71 - TOEIC từ 700	Đăng báo trên các tạp chí SCIE, SCOPUS, SSCI nghiên cứu cùng giáo sư với tư cách là tác giả chính hoặc tác giả liên hệ ※ Học bổng sẽ được cấp bằng cách giảm trừ vào tiền học phí của học kỳ tiếp thep sau khi đăng báo và nộp giấy tờ minh chứng. Mỗi học kỳ chỉ công nhận 1 bài báo, trường hợp 2 sinh viên cùng viết chung 1 bài báo thì chỉ áp dụng cho 1 người

Quy định chung về học bổng

*ICS (Internationalization Contribution Scholarship): Học bổng đóng góp cho quốc tế hóa

- Những người được khoa đề cử và đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chuẩn về thành tích ngôn ngữ hoặc tiêu chuẩn đủ điều kiện nêu trên sẽ được cấp học bổng tương ứng với từng tiêu chuẩn; tỷ lệ học bổng có thể được điều chỉnh giảm tùy theo kết quả xét duyệt của khoa vào mỗi học kỳ.
- Người nhận Học bổng dành cho sinh viên đang theo học từ 1 đến 4 phải thực hiện công việc giảng dạy hoặc hỗ trợ thí nghiệm không quá 10 giờ mỗi tuần.

8. Học phí

Đơn vị tiền tệ: KRW (won)

Phân loại		Thạc sĩ	Tiến sĩ(Liên kết thạc sĩ, tiến sĩ)
Phí nhập học		863,000	863,000
Học phí	Xã hội, Nhân văn	4,232,000	5,080,000
	Khoa Dịch vụ Nhân sinh	5,114,000	—
	Toán, Thống kê, Giáo dục toán	5,080,000	6,090,000
	Khoa học, Thể dục, Kỹ thuật	5,925,000	7,108,000
	Nghệ thuật	6,559,000	7,873,000
	Dược	6,648,000	7,975,000
	Y	8,003,000	9,605,000

※ Học phí dựa theo tiêu chí tiền học năm 2026, có thể thay đổi

※ Đối với chương trình Tiến sĩ và chương trình tích hợp Thạc sĩ – Tiến sĩ thuộc Khoa Dịch vụ Nhân sinh (Human Services), do đây là các chương trình đào tạo mới được thành lập nên mức học phí sẽ được thông báo khi phát hành giấy báo học phí.

9. Cấp visa

Hướng dẫn đăng ký cấp Visa cho thí sinh người nước ngoài

○ Tư cách lưu trú : Du học D-2 (※ Dành cho đối tượng đỗ và hoàn thành nộp học phí)

○ Cơ quan xin cấp : Đại sứ quán Hàn Quốc ở nước sở tại

1	2	3	4
Gửi Thư mời nhập học và giấy tờ liên quan đến đăng ký	Xin cấp visa	Nhận Visa(D-2)	Nhập cảnh
Đại học Yeungnam → Người trúng tuyển	Người trúng tuyển → Đại sứ quán HQ ở nước sở tại	Thời gian xét visa có thể khác nhau tùy quốc gia	

※ Thủ tục xin visa tại mỗi Đại sứ quán ở nước sở tại có thể khác nhau nên cá nhân cần liên hệ kiểm tra

※ **http://www.mofa.go.kr/www/pgm/m_4179/uss/emblgbd/emblgbdAdres.do**

10. Các khoa tuyển sinh và khóa học

Khóa chính quy

Lĩnh vực	Tên khoa	Nhập học mới			Chuyển tiếp		Chính sách nhận bằng thay thế luận văn	Tên ngành
		Thạc sĩ	Tiến sĩ	Liên kết Thạc sĩ, Tiến sĩ	Thạc sĩ	Tiến sĩ		
Xã hội nhân văn	Ngữ văn	○	○	–	○	○	○	Ngữ văn
	Văn học Anh	○	○	○	○	○	○	Tiếng Anh, Văn học Anh
	Ngôn ngữ văn học Trung Quốc	○	○	○	○	○	○	Ngôn ngữ văn học Trung Quốc, giáo dục tiếng Trung toàn cầu
	Ngôn ngữ văn học Nhật Bản	○	○	–	○	○	○	Ngôn ngữ văn học Nhật Bản
	Triết học	○	○	○	○	○	–	Triết học Đông Dương, Triết học Tây Dương
	Lịch sử	○	○	–	○	○	○	Quốc sử
		○	○	○	○	○	○	Đông Dương sử, Tây Dương sử
	Văn hóa nhân loại	○	○	–	○	○	○	Khảo cổ học, Xã hội nhân loại và Dân tộc học
	Giáo dục	○	○	○	–	–	○	Giáo dục
	Luật	○	○	○	–	–	○	Luật Công, Luật Tư
	Hành chính	○	○	○	○	○	○	Hành chính
	Chính trị ngoại giao	○	○	○	–	–	○	Chính trị ngoại giao
	Phát triển Cộng đồng và Phúc lợi Xã hội	○	○	○	○	○	○	Phát triển Cộng đồng, Phúc lợi Xã hội

Lĩnh vực	Tên khoa	Nhập học mới			Chuyển tiếp		Chính sách nhận bằng thay thế luận văn	Tên ngành
		Thạc sĩ	Tiến sĩ	Liên kết Thạc sĩ, Tiến sĩ	Thạc sĩ	Tiến sĩ		
Xã hội nhân văn	Kinh tế	○	○	–	–	–	○	Kinh tế
	Quản trị kinh doanh	○	○	○	○	○	○	Tổ chức nhân sự, Quản lý vận hành, Quản lý thông tin kinh doanh, Tài chính tín dụng, arketing
	Kế toán thuế	○	○	○	○	○	○	Kế toán
	Thương mại	○	○	–	–	–	○	Thương mại Quốc tế, Quản lý kinh doanh quốc tế và thương mại
	Kinh tế tài nguyên thực phẩm	○	○	–	○	○	–	Kinh tế tài nguyên thực phẩm
	Xã hội	○	○	–	○	○	○	Xã hội
	Truyền thông ngôn luận	○	○	○	○	○	○	Truyền thông ngôn luận
	Giáo dục quốc ngữ	○	○	○	○	○	○	Giáo dục quốc ngữ
	Dịch vụ Nhân sinh	○	○	○	○	–	–	Dịch vụ con người
	Giáo dục tiếng Hàn Quốc tế	○	○	○	–	–	–	Giáo dục tiếng Hàn như một ngoại ngữ, Giáo dục tiếng Hàn Quốc tế
	Biên phiên dịch tiếng Trung ứng dụng	○	–	–	–	–	–	Biên phiên dịch Trung–Hàn ứng dụng
Tự nhiên	Toán	○	○	○	–	–	○	Toán, Toán ứng dụng
	Thống kê	○	○	○	–	–	–	Thống kê
	Vật lý	○	○	○	○	○	○	Vật lý
	Hóa học	○	○	○	–	–	–	Hóa học
	Công nghệ khoa học sinh học	○	○	○	○	○	–	Khoa học sinh học
	Tài nguyên rừng	○	○	–	–	–	–	Tài nguyên rừng, Sử dụng lâm sản
	Cảnh quan	○	○	○	–	–	○	Cảnh quan
	Khoa học thực phẩm	○	○	○	–	–	○	Công nghệ thực phẩm, Công nghiệp ẩm thực
	Gia đình và nhà ở	○	○	○	○	○	○	Thiết kế cảnh quan nội thất
	Thiết kế thời trang	○	○	○	○	○	○	Thiết kế thời trang
	Dinh dưỡng thực phẩm	○	○	○	–	–	○	Dinh dưỡng thực phẩm
	Dược · Dược (Đào tạo bằng tiếng anh)	○	○	○	○	○	–	Dược
	Công nghệ sinh học	○	○	○	–	–	–	Công nghệ sinh học
	Sư phạm toán	–	○	–	–	–	–	Sư phạm toán
	Công nghệ y sinh	○	○	○	–	–	–	Công nghệ y sinh
Kỹ thuật	Kỹ thuật hệ thống xây dực	○	○	○	–	–	○	Kỹ thuật kết cấu thông minh, Kỹ thuật môi trường tài nguyên nước thông minh, Kỹ thuật thổ, đường thông minh
	Kiến trúc	○	○	○	○	○	○	Kỹ thuật kiến trúc
		○	○	–	○	○	○	Kiến trúc học

Lĩnh vực	Tên khoa	Nhập học mới			Chuyển tiếp		Chính sách nhận bằng thay thế luận văn	Tên ngành
		Thạc sĩ	Tiến sĩ	Liên kết Thạc sĩ, Tiến sĩ	Thạc sĩ	Tiến sĩ		
Kỹ thuật	Kỹ thuật đô thị	○	○	○	○	○	○	Quy hoạch môi trường đô thị, kỹ thuật giao thông
	Kỹ thuật cơ khí	○	○	○	–	–	–	Kỹ thuật cơ khí
	Kỹ thuật nguyên liệu mới	○	○	○	○	○	○	Kỹ thuật nguyên liệu mới
	Kỹ thuật điện	○	○	○	–	–	–	Điện tử năng lượng và môi trường, Điều khiển và thiết bị, chuyển đổi điện năng
	Kỹ thuật điện tử	○	○	○	–	–	○	Kỹ thuật điện tử
	Công nghệ thông tin	○	○	○	○	○	○	Công nghệ thông tin
	Kỹ thuật máy tính	○	○	○	○	○	○	Kỹ thuật máy tính
	Hóa kỹ thuật	○	○	○	–	–	○	Hóa kỹ thuật, Kỹ thuật nguyên liệu cao phân tử Bio
	Kỹ thuật hệ thống sợi	○	○	○	○	○	○	Kỹ thuật hệ thống sợi
	Kỹ thuật môi trường	○	○	○	○	○	–	Kỹ thuật môi trường
	Kỹ thuật xe hơi tương lai	○	○	○	–	–	○	Kỹ thuật xe hơi tương lai
	Kỹ thuật rô bốt	○	–	–	○	–	○	Kỹ thuậ rô bốt
Nghệ thuật, thể thao	Sáng tác	○	–	–	○	–	○	Sáng tác, Chỉ huy
	Thanh nhạc	○	–	–	○	–	○	Thanh nhạc
	Nhạc khí	○	–	–	Piano ○ Nhạc giao hưởng X	–	○	Piano, Nhạc giao hưởng
	Quốc nhạc	○	–	–	○	–	○	Quốc nhạc
	Hội họa	○	–	–	○	–	○	Hội hoa Hàn Quốc, Hội họa
	Thiết kế trực quan	○	○	○	○	○	○	Thiết kế trực quan
	Thiết kế công nghiệp	○	–	–	○	–	○	Thiết kế công nghiệp
	Thiết kế sinh hoạt phẩm	○	–	–	○	–	○	Thiết kế sinh hoạt phẩm
	Nghệ thuật chuyển đổi	○	–	–	○	–	○	Nghệ thuật chuyển đổi
	Thể dục	○	○	–	○	○	○	Thể dục
Y học	Y học	○	○	○	–	–	○	Giải phẫu, Sinh lý, Sinh hóa, Bệnh lý, Vi sinh vật, Dược lý, Y phòng dự phòng, Nội khoa, thần kinh học, Ngoại khoa, Chỉnh hình, Ngoại thần kinh, Ngoại khoa tim mạch, Ngoại khoa thẩm mỹ, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Tâm thần học, Nhãn khoa, Tai mũi họng, Da liễu, Niệu khoa, Chẩn đoán hình ảnh, Ung thư xạ trị, Gây mê hồi sức, Xét nghiệm y học, Phục hồi chức năng, Y học cấp cứu, Y học gia đình, Nha khoa, Y học hạt nhân, Y khoa

Các chương trình hợp tác liên ngàn

- Chương trình hợp tác liên ngành là chương trình cấp bằng được cấu trúc và vận hành bởi nhiều khoa liên quan do đặc thù của lĩnh vực chuyên ngành

Lĩnh vực	Tên khoa	Nhập học mới			Chuyển tiếp		Chính sách nhận bằng thay thế luận văn	Tên ngành
		Thạc sĩ	Tiến sĩ	Liên kết Thạc sĩ, Tiến sĩ	Thạc sĩ	Tiến sĩ		
Xã hội, Nhân văn	Khoa Kinh doanh Toàn cầu	○	○	–	–	–	○	Kinh doanh Toàn cầu
	Khoa Kinh doanh Kỹ thuật số Hội tụ	○	○	○	○	○	○	Kinh doanh Kỹ thuật số Hội tụ
	Khoa Chính sách Logistics Quốc tế	○	○	○	○	○	○	Chính sách Logistics Quốc tế
	Khoa Phát triển Quốc tế Saemaul	○	○	○	○	○	○	Phát triển Quốc tế Saemaul
	Khoa Văn hóa Đông Á	○	○	○	○	○	○	Văn hóa Đông Á
	Khoa Đổi mới Công nghệ và Tinh thần Khởi nghiệp	○	○	○	–	–	○	Đổi mới Công nghệ và Tinh thần Khởi nghiệp
	Khoa học Quân sự	–	○	–	–	○	–	Khoa học Quân sự
Kỹ thuật	Khoa Hội tụ Robot và AI	○	○	○	○	○	–	Hội tụ Robot và AI
	Khoa Pin (Chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh)	○	○	○	○	○	–	Pin
Nhệ thuật, thể thao	Khoa Âm nhạc	–	○	–	–	○	–	Thực hành Âm nhạc, Lý thuyết Âm nhạc
	Khoa Nghệ thuật Biểu diễn Múa	○	–	–	○	–	○	Nghệ thuật Biểu diễn Múa

○ Nội dung tham khảo ứng tuyển theo khoa

- Y học : Cần tư vấn qua phòng hành chính trước khi ứng tuyển
- Vật lý : Yêu cầu ứng viên đã học chuyên ngành Vật lý
- Khoa hóa học, Tài nguyên rừng, Kỹ thuật cơ khí : Hỗ trợ ngoại ngữ trong quá trình hướng dẫn và viết luận
- Kinh doanh toàn cầu : Hỗ trợ tiếng Trung trong quá trình hướng dẫn và viết luận
- Thiết kế thời trang : Yêu cầu ứng viên tốt nghiệp chuyên ngành nguyên liệu sợi, Sản xuất thiết kế vải
- Thiết kế trực quan : Hỗ trợ thông dịch trong quá trình hướng dẫn và viết luận
- Ngôn ngữ văn học Trung Quốc : Hỗ trợ tiếng Trung trong quá trình hướng dẫn và viết luận, có thể viết luận văn bằng tiếng Trung

○ Hướng dẫn thay thế luận văn(Thesis-Alternative Program)

- Chương trình : Chương trình thạc sĩ
- Học học phần thay cho việc nộp luận văn, thực hiện các dự án nghiên cứu/ bài tập(do khoa chỉ định) tương ứng luận văn để nhận bằng theo chính sách nhận bằng thay thế luận văn

○ Có thể cung cấp hệ thống thông biên dịch AI

○ Khoa vận hành lớp học ngoại ngữ

(Các lớp học thuộc Viện cao học chủ yếu được giảng bằng tiếng Hàn Quốc. Tuy nhiên, một số khoa bên dưới có thể thực hiện bài giảng một phần hoặc toàn phần bằng ngoại ngữ)

- Giảng bằng tiếng Anh : Ngôn ngữ văn học Anh, Lịch sử, Vật lý, Hóa học, Tài nguyên rừng, Thiết

kế thời trang, Dược, Công nghệ sinh học, Kỹ thuật hệ thống xây dựng, Kỹ thuật nguyên liệu mới, Kỹ thuật điện, Công nghệ thông tin, Hóa kỹ thuật, Kỹ thuật môi trường

- Giảng bằng tiếng Trung : Ngôn ngữ văn học Trung Quốc, Lịch sử, Thiết kế trực quan, Kinh doanh toàn cầu(hoặc **Khoa Kinh doanh Toàn cầu**)

  ※ Chuyên ngành giáo dục tiếng Trung toàn cầu(Khoa ngôn ngữ văn học Trung Quốc) : Toàn bộ các lớp học thực hiện giảng bằng tiếng Trung
- Giảng nằng tiếng Nhật : Ngôn ngữ văn học Nhật

○ **Thay đổi tên Khoa và Chuyên ngành**

Tên gọi chi tiết của khoa và chuyên ngành có thể thay đổi. Trong trường hợp có thay đổi, nhà trường sẽ thông báo trên trang web của hệ Trường Cao học của trường

11. Giải đáp thắc mắc và thông tin liên lạc theo khoa

Phân loại	Nội dung	
Homepage	Đại học Yeungnam	https://www.yu.ac.kr
	Viện cao học Đại học Yeungnam	https://engraduate.yu.ac.kr
Hỏi đáp liên quan nhập học	Phòng quốc tế Viện cao học Đại học Yeungnam	053-810-3755~7, 3782 (E-mail: graduate@yu.ac.kr)
Nơi tiếp nhận hồ sơ internet	Homepage Viện cao học Đại học Yeungnam	http://engraduate.yu.ac.kr
Nơi tiếp nhận hồ sơ qua bưu điện	Graduate School International Team, Yeungnam University Room 111, Law School Building, 280 Daehak-ro, Gyeongsan-si, Gyeongsangbuk-do, 38541,	
Vị trí trực tiếp	Yeungnam University(Gyeongsan campus), Graduate School , Law School Building 1 floor, Room 111	

Thông tin liên lạc theo khoa

Khoa	Email	Số điện thoại
Khoa Ngữ văn	kjh827@yumail.ac.kr	053-810-2110
Khoa Văn học Anh	woohjung@ynu.ac.kr	053-810-2130
Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc	jeeny0609@yu.ac.kr	053-810-1570
Khoa Ngôn ngữ và Văn học Nhật Bản	22501121@yu.ac.kr	053-810-3160
Khoa Triết học	22501121@yu.ac.kr	053-810-3160
Khoa Lịch sử	22600561@yu.ac.kr	053-810-2240
Khoa Văn hóa Nhân loại	22600561@yu.ac.kr	053-810-2240
Khoa Mỹ học và Lịch sử Nghệ thuật	sol545@yu.ac.kr	053-810-3320
Khoa Giáo dục học	education@yu.ac.kr	053-810-3110
Khoa Luật	pa@yu.ac.kr	053-810-2676

Khoa	Email	Số điện thoại
Khoa Hành chính	pol@yu.ac.kr	053-810-2630
Khoa Chính trị và Ngoại giao	totquf0302@yu.ac.kr	053-810-2640
Khoa Phát triển Cộng đồng và Phúc lợi	arina17@yu.ac.kr	053-810-7808
Khoa Kinh tế	econ@yu.ac.kr	053-810-3212
Khoa Quản trị Kinh doanh	business@yu.ac.kr	053-810-3215
Khoa Kế toán và Thuế	accounting@yu.ac.kr	053-810-3217
Khoa Thương mại	trade@yu.ac.kr	053-810-3214
Khoa Kinh tế Tài nguyên Thực phẩm	ecolee@yu.ac.kr	053-810-2950
Khoa Xã hội học	socio@yu.ac.kr	053-810-2250
Khoa Truyền thông và Giao tiếp	mnc@yu.ac.kr	053-810-2270
Khoa Giáo dục Quốc ngữ	shinsy0901@naver.com	053-810-3150
Khoa Dịch vụ Con người	yuhs@yu.ac.kr	053-810-2870
Khoa Giáo dục tiếng Hàn Quốc tế	jungyui@yu.ac.kr	053-810-7807
Khoa Biên phiên dịch tiếng Trung ứng dụng	jspak13@yu.ac.kr	053-810-7805
Khoa Toán học	22400642@yu.ac.kr	053-810-2310
Khoa Thống kê	22501123@yu.ac.kr	053-810-2320
Khoa Vật lý	22400642@yu.ac.kr	053-810-2310
Khoa Hóa học	22400643@yu.ac.kr	053-810-2350
Khoa Khoa học Sinh học	22501123@yu.ac.kr	053-810-2320
Khoa Tài nguyên Rừng	jhlee9@yu.ac.kr	053-810-2970
Khoa Khoa học Làm vườn	pki0217@yu.ac.kr	053-810-2907
Khoa Khoa học Thực phẩm	gdhan1@ynu.ac.kr	053-810-2950
Khoa Gia đình và Nhà ở	yufh@yu.ac.kr	053-810-2870
Khoa Thời trang và May mặc	yucf@yu.ac.kr	053-810-2790
Khoa Dinh dưỡng Thực phẩm	yufn@yu.ac.kr	053-810-2870
Khoa Dược	choihd@yu.ac.kr	053-810-2815
Khoa Công nghệ Sinh học	kimjj@yu.ac.kr	053-810-3020
Khoa Giáo dục Toán học	jihyang.lee0906@yu.ac.kr	053-810-3150
Khoa Công nghệ Y Sinh	bsmoon@yu.ac.kr	053-810-3020
Khoa Kỹ thuật Hệ thống Xây dựng	cindy71713@yu.ac.kr	053-810-2410
Khoa Kiến trúc	22500030@yu.ac.kr	053-810-2590
Khoa Kỹ thuật Đô thị	0313je@yu.ac.kr	053-810-2430
Khoa Kỹ thuật Cơ khí	22600173@yu.ac.kr	053-810-4873
Khoa Kỹ thuật Vật liệu Mới	lilac7@yu.ac.kr	053-810-2560
Khoa Kỹ thuật Điện	225500891@yu.ac.kr	053-810-2480
Khoa Kỹ thuật Điện tử	namkyu@yu.ac.kr	053-810-2490
Khoa Kỹ thuật Thông tin và Truyền thông	22400644@yu.ac.kr	053-810-3295
Khoa Kỹ thuật Máy tính	22401051@yu.ac.kr	053-810-2550
Khoa Kỹ thuật Hóa học	spring@yu.ac.kr	053-810-2520
Khoa Kỹ thuật Hệ thống Sợi	kjwfiber@ynu.ac.kr	053-810-2770
Khoa Kỹ thuật Môi trường	22500626@yu.ac.kr	053-810-2540

Khoa	Email	Số điện thoại
Khoa Kỹ thuật Ô tô Tương lai	sjkwon@yu.ac.kr	053-810-3085
Khoa Kỹ thuật Robot	22500269@yu.ac.kr	053-810-3035
Khoa Sáng tác	jh1996@yu.ac.kr	053-810-3410
Khoa Thanh nhạc	jh1996@yu.ac.kr	053-810-3410
Khoa Nhạc cụ	jh1996@yu.ac.kr	053-810-3420
Khoa Âm nhạc Truyền thống Hàn Quốc	jh1996@yu.ac.kr	053-810-3410
Khoa Hội họa	sol545@yu.ac.kr	053-810-3320
Khoa Thiết kế Trực quan	hj202601@yu.ac.kr	053-810-3340
Khoa Thiết kế Công nghiệp	hj202601@yu.ac.kr	053-810-3340
Khoa Thiết kế Sản phẩm Đời sống	hj202601@yu.ac.kr	053-810-3340
Khoa Nghệ thuật Chuyển đổi	sol545@yu.ac.kr	053-810-3320
Khoa Thể dục Thể thao	kimyunhee@yu.ac.kr	053-810-3763
Khoa Y	cji8524@ymc.yu.ac.kr	053-640-6876
Khoa Âm nhạc	22201046@yu.ac.kr	053-810-3420
Khoa Kinh doanh Toàn cầu	sbs0423@ynu.ac.kr	053-810-3214
Khoa Kinh doanh Kỹ thuật số Hội tụ	dj-kim@ynu.ac.kr	053-810-2950
Khoa Chính sách Logistics Quốc tế	22401071@yu.ac.kr	053-810-3216
Khoa Nghệ thuật Biểu diễn Múa	kimyunhee@yu.ac.kr	053-810-3763
Khoa Phát triển Quốc tế Saemaul	arina17@yu.ac.kr	053-810-7808
Khoa Văn hóa Đông Á	22501121@yu.ac.kr	053-810-3160
Khoa Đổi mới Công nghệ và Tinh thần Khởi nghiệp	duswl2228@yu.ac.kr	053-810-1597
Khoa Khoa học Quân sự	roseline117@yu.ac.kr	053-810-2290
Khoa Pin	spring@yu.ac.kr	053-810-2520



[Đính kèm] Công ước Apostille

■ **Công ước Apostille**

- Tên: Công ước bãi bỏ yêu cầu hợp pháp hóa giấy tờ công nước ngoài
  Convention Abolishing the Requirement of Legalization for Foreign Public Documents
- Hiệp ước đa phương nhằm đơn giản hóa việc sử dụng quốc tế của giấy tờ công giữa các quốc gia thành viên bằng cách bãi bỏ các thủ tục hợp pháp hóa phức tạp như xác nhận lãnh sự của cơ quan đại diện nước ngoài, thay vào đó là chứng nhận của quốc gia phát hành giấy tờ công
- Giấy tờ của quốc gia thành viên đã được chứng nhận Apostille có hiệu lực tương đương với việc xác nhận lãnh sự của cơ quan đại diện nước ngoài
- Thời gian hiệu lực: Được soạn thảo tại The Hague 05.10.1961, có hiệu lực từ 24.01.1965
- Thông tin về cơ quan liên quan đến Apostille theo từng quốc gia: www.hcch.net – Members&Parties – HCCH Members
- Những người tốt nghiệp đại học Hàn Quốc không thuộc đối tượng này và phải nộp bản gốc của giấy chứng nhận tốt nghiệp và bảng điểm

Danh sách quốc gia gia nhập Apostille Tiêu chuẩn 30.03. 2025.

Đại lục	Quốc gia gia nhập
ChâuÁ, Châu Đại Dương	New Zealand, Niue, Quần đảo Marshall, Mauritius, Mông Cổ, Vanuatu, Bahrain, Bangladesh, Brunei, Samoa, Ả Rập Xê-út, Singapore, Oman, Úc, Uzbekistan, Israel, ẤnĐộ, Indonesia, Nhật Bản, Trung Quốc(bao gồm Ma cau, Hồng Kông), Quần đảo Cook, Kyrgyzstan, Tajikistan, Tonga, Pakistan, Palau, Fiji, Philippines, HànQuốc
Châu Âu	Gruzia/Georgia, Hy Lạp, Hà Lan, Na Uy, Đan Mạch, Đức, Latvia, Nga, Romania, Luxembourg, Lithuania, Liechtenstein, Bắc Macedonia, Monaco, Montenegro, Moldova, Malta, Bỉ, Belarus, Bosnia và Herzegovina, Bulgaria, Síp, San Marino, Serbia, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha, Slovakia, Slovenia, Armenia, Iceland, Ireland, Azerbaijan, Andorra, Albania, Estonia, Vương quốc Anh, Áo, Ukraina, Ý, Cộng hòa Séc, Kazakhstan, Kosovo, Croatia, Thổ Nhĩ Kỳ, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Pháp, Phần Lan, Hungary
Bắc Mĩ	HoaKỳ(bao gồmGuam, QuầnđảoMarianna, Saipan, Puerto Rico), Canada
Trung Nam Mĩ	Guyana, Guatemala, Grenada, Nicaragua, CộnghòaDominica, Dominica, Mexico, Barbados, Bahamas, Venezuela, Belize, Bolivia, Brazil, Saint Lucia, Saint Vincent vàGrenadines, Saint Kitts vàNevis, Suriname, Argentina, Antigua và Barbuda, Ecuador, El Salvador, Honduras, Uruguay, Chile, Costa Rica, Colombia, Trinidad và Tobago, Panama, Peru, Paraguay, Jamaica
Trung Đông, Châu Phi	Namibia, CộnghòaNam Phi, Liberia, Lesotho, Malawi, Maroc, Botswana, São Tomé và Príncipe, Senegal, Seychelles, Eswatini, Cabo Verde, Burundi, Tunisia, Rwanda

1. Thí sinh từ các quốc gia thành viên (trong trường hợp tốt nghiệp từ trường tư, cần công chứng trước khi xin cấp chứng nhận Apostille, Trung Quốc là trường hợp ngoại lệ có thể nộp Apostille, xác nhận lãnh sự hoặc công chứng bản dịch)

- Hồ sơ nộp : Hồ sơ nộp khi ứng tuyển như Giấy chứng nhận tốt nghiệp(dự kiến), Bằng tốt nghiệp, Bảng điểm, v.v.
- Cơ quan cấp : Cơ quan được chỉ định bởi chính phủ quốc gia sở tại(Tại Hàn Quốc là Bộ Ngoại giao)
- Cách nộp : Nộp bản gốc giấy chứng nhận Apostille cho các hồ sơ đã nộp, được cấp bởi cơ quan do chính phủ của nước sở tại chỉ định

2. Thí sinh tại các nước chưa gia nhập

- Hồ sơ nộp : Hồ sơ nộp khi ứng tuyển như Giấy chứng nhận tốt nghiệp(dự kiến), Bằng tốt nghiệp, Bảng điểm, v.v.
- Nơi cấp : Đại sứ quán Hàn Quốc ở nước sở tại
- Cách nộp : Nộp bản gốc hồ sơ đã nộp được Đại sứ quán Hàn Quốc ở nước sở tại cấp "Giấy xác nhận cơ quan giáo dục ngoài nước" hoặc "Xác nhận lãnh sự"

3. Lưu ý : Hồ sơ không viếtbằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh phải nộp bản hốc dịch công chứng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh

YU Campus Map

영남대 캠퍼스 지도



Gyeongsan Campus

- A01 천마지문 / 영남대역 Chunma Gate /YU Metro Square
- A02 국제교류센터 International Center
- A03 축구장 Soccer Field
- A04 박물관 University Museum
- A05 학생지원센터 Student Support Center
- A06 예술대학 디자인관 College of Arts-Design Building
- A07 예술대학 미술관 College of Arts-Art Building
- A08 사범대학 College of Education Building
- A10 예술대학 음악관 College of Arts-Music Building

- B01 노천강당 Amphitheater
- B02 상경관 College of Business & Economics Building
- B03 인문관 College of Liberal Arts
- B04 중앙도서관 Central Library
- B05 사회과학관 Social Science Building
- B06 학생회관 Student Center
- B07 이희건기념관 Memorial Gymnasium of Heekun Lee

- C01 본부본관 Headquarters
- C02 외국어교육원 Foreign Language Institute
- C03 천마관 Chunma Hall
- C04 AI스마트교육센터 AI Smart Education Center
- C05 야구장 Baseball Field
- C27 제2인문관 Liberal Arts Hall 2
- C28 학군단 ROTC

- D01 생활관 Dormitory
- D21 생활관(향토관) Hyangto Hall

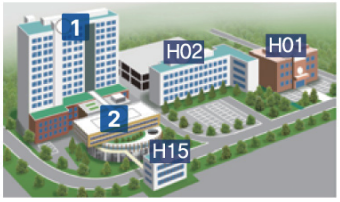
- E01 천마아트센터 Chunma Arts Center
- E04 체조장 Gymnastics Arena
- E05 천마체육관 Chunma Arena
- E21 IT관 Information & Telecommunication Hall
- E22 전기관 Electrical Engineering Building
- E23 섬유관 Textiles Engineering Building
- E24 화공관 Chemical Engineering Building
- E26 수리실험동 Water Research Laboratory Buliding
- E28 소재관 Materials Engineering Buliding
- E29 기계관 Mechanical Engineering Buliding

- F03 건축관 Architecture Building
- F04 정보전산원 Computer & IT Center
- F06 정보통신연구소 Institute of Information & Communication
- F07 건설관 Construction Engineering Building
- F21 제1과학관 Sciences Building 1
- F22 제2과학관 Sciences Building 2
- F23 제3과학관 Sciences Building 3
- F24 과학도서관 Science Library
- F25 자연계식당 College of Science Cafeteria
- F26 생명응용과학대 제1실험동 Lab I, College of Life and Applied Sciences
- F27 생명응용과학대 본관 HQ : College of Life and Applied Sciences
- F28 생명응용과학대 제2실험동 Lab II, College of Life and Applied Sciences
- F29 생명응용과학대 제3실험동 Lab III, College of Life and Applied Sciences

- G01 생활과학대학 본관 HQ : College of Human Ecology & Kinesiology
- G02 생활과학대학 별관 Annex : College of Human Ecology & Kinesiology
- G03 법학전문도서관 Law School Library
- G04 법학전문대학원 Law School

- G07 약학관 Pharmacy Building
- G11 CRC Convergence Research Center
- G12 창업보육센터 Business Incubation Center
- G13 로봇관 Robot Engineering Building
- G14 중앙기기센터 Center for Research Facilities
- G15 생산기술연구원 Production Technology Research Center
- G16 자동차관 Automotive Engineering Building
- G17 풍동실험실 Wind Tunnel Laboratory
- G19 안전교육체험장 Security Education Practice Yard
- G41 민속촌 Kugaeseowon

Daegu Campus



- 1 영남대학교의료원 Yeungnam University Medical Center
- 2 호흡기전문질환센터 Regional Center for Respiratory Diseases
- H01 특수대학원/글로벌평생교육원 Professional Graduate Schools / Center for Continuing Education
- H02 의과대학 본관 College of Medicine
- H15 영의관(법인사무국) Yeungnam Academy Corporate Office

한국어·국제언어교육원 Korean and International Language Institute

Yeungnam University

